

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Ngọc Hà.

2/ Bà Đặng Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HS, ngày 15/01/2024 đối với các bị cáo:

1/ Đỗ Minh N, sinh năm: 1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú : Số M N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Cán bộ Công an (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân); là đảng viên Đ1 (đã bị khai trừ khỏi Đảng); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Anh T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2023 đến nay. (Có mặt).

2/ Nguyễn Đỗ Kỳ D, sinh ngày 05/12/1996, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Số N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Gia H1 và bà Đỗ Thị Kim P; chồng, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2023 đến nay. (Có mặt).

3/ Trần Thụy Kim N1, sinh ngày 04/4/1999, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú ((nơi đăng ký thường trú: Số N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn

hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình K và bà Đào Thị Mỹ L; chung sống như vợ chồng với Hoàng Trọng P1 (sinh năm: 2000) vào năm 2020 và có 01 con chung (sinh năm: 2020); tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02/3/2023 bị Công an phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính, với số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” và đã nộp phạt vào ngày 06/3/2023 (theo Quyết định số 628/QĐ-XPHC).

- Bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2023 đến nay. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D:*

1/ Bà: Lê Nguyễn Quỳnh T1, sinh năm: 1974, là Luật sư và là Trưởng Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt).

2/ Ông Võ Đan M, sinh năm: 1983, là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh: Nguyễn Đăng K1, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Số A T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 08/7/2023, tổ tuần tra 363 Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra phát hiện đối tượng Lê Vũ Minh H2 đang điều khiển xe gắn máy biển số 59X3-843.64 phía sau chở theo đối tượng Nguyễn Thanh V và cùng có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy; nên tổ tuần tra tiến hành kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, tổ tuần tra phát hiện trong điện thoại di động của Lê Vũ Minh H2 (phần ứng dụng tin nhắn Messenger (Facebook) của H2 tên “Nhí L1” có nội dung trao đổi qua lại liên quan việc mua bán trái phép chất ma túy với tài khoản tên “Kim Ngân”). Sau đó, tổ tuần tra đã bàn giao 02 đối tượng trên cùng phương tiện cho Công an P2, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xác định đối tượng “Kim Ngân” hiện đang cư trú tại căn hộ A chung cư P (số E T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vào khoảng 10 giờ 10 phút, ngày 09/7/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Công an P3, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính căn hộ nêu trên. Tại thời điểm kiểm tra, trong căn hộ có 02 người đang lưu trú gồm: Trần Thụy Kim N1 và Đỗ Minh N. Trong lúc kiểm tra, Trần Thụy Kim N1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an 01 (một) gói nylon có in chữ “CHALI”, bên trong có chứa chất bột màu vàng và N1 khai nhận là ma túy tổng hợp.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở tại căn hộ A Block P chung cư P (địa chỉ: Số E T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) đối với Đỗ Minh N. Kết quả khám xét: Tại sân nhà trong phòng ngủ của căn hộ nêu trên phát hiện 01 (một) gói nylon chứa mảnh vụn màu xanh nghi vấn là ma túy. Đỗ Minh N và Trần Thụy Kim N1 khai nhận vào ngày 09/7/2023, N1, N cùng các đối tượng (Đ, D, K1, Z và Z1) sau khi cả nhóm ăn nhậu tại

Quận A rời về nghỉ ngơi tại căn căn hộ 18.07 Block P1B chung cư P (địa chỉ: Số E T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) thì cả nhóm (trừ K1) trao đổi rủ nhau hùn tiền mua nước vui (ma túy) về sử dụng tại căn hộ nêu trên.

Ngày 17/7/2023, Phòng K2 Công an Thành phố H có các kết luận số 7545/KL-KTHS và 7546/KL-KTHS xác định:

- 01 gói được niêm phong, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Đỗ Minh N, chữ ký người chứng kiến Lương Mạnh D1 và hình dấu Công an P3, Quận H, bên trong có 01 gói nylon chứa mảnh vụn màu xanh (ký hiệu mẫu m). Qua giám định mảnh vụn màu xanh có khối lượng là 0,5217g (không thấy năm hai một bảy gam) là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

- 01 gói được niêm phong, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Thụy Kim N1 và hình dấu Công an P3, Quận H, bên trong có 01 gói in chữ CHALI chứa chất bột màu vàng (ký hiệu mẫu m) có khối lượng 2,0786g (hai phẩy không bảy tám sáu gam) không tìm thấy ma túy.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy có trong nước tiểu đối với Trần Thụy Kim N1, Đỗ Minh N, Nguyễn Đỗ Kỳ D và Nguyễn Đăng K1 cho kết quả: N, D, N1 dương tính với chất ma túy, K1 âm tính với chất ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 08/7/2023, sau khi ăn nhậu tại quán “The Gang”, địa chỉ: Số A C, Phường A, Quận A (tiệc sinh nhật của Đỗ Minh N), Đỗ Minh N rủ K1, N1, D, Đ, Z1 và Z (chưa xác định lai lịch) về căn hộ G P1B P, chung cư T (số E T, Phường D, Quận H) nơi Nhật đang ở để nghỉ ngơi. Sau khi về đến căn hộ, K1 đi vào phòng nằm ngủ, D cùng N, N1, Đ, J và Z1 trao đổi nói chuyện về việc mua nước vui (ma túy) về để sử dụng và chỉ mua trong số tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, số tiền mua ma túy sẽ chia đều cho tất cả mọi người (trừ K1, vì K1 không tham gia) thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, D, Đ, J và Z1 muốn sử dụng thuốc lắc (do nước vui không đủ đô để phê) nên trao đổi mua thêm thuốc lắc sử dụng, nhưng số tiền mua cả 02 loại không được vượt quá số tiền mà cả nhóm đã dự tính ban đầu; lúc này N và N1 đã đi vào trong phòng ngủ để nghỉ ngơi, nên không biết việc mua thêm thuốc lắc. Do D biết chỗ mua ma túy, nên mọi người để D ứng tiền ra mua ma túy trước, rồi mọi người sẽ hùn tiền trả lại cho D sau. Sau đó, D dùng Zalo của mình tên “Nguyễn Đỗ Kỳ D” gọi điện cho một thanh niên tên D1 (không rõ lai lịch) có tài khoản Zalo tên “khờ khờ” hỏi mua 01 (một) gói Redbull (nước vui) và 02 viên thuốc lắc thì D1 báo giá 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) rồi D thông báo cho mọi người biết số lượng ma túy với giá tiền như trên thì được mọi người đều đồng ý (lúc D báo giá mua ma túy N và N1 đang trong phòng ngủ). D hẹn D1 giao ma túy đến tòa nhà P, chung cư T (số E T, Phường D, Quận H) thì D1 đồng ý và cho số tài khoản để D chuyển tiền; D dùng tài khoản số 5129666 mở tại ngân hàng A1 chuyển cho D1 số tiền 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) vào số tài khoản 005704060336655 tên Phạm Đức D2, ngân hàng V1 (Ngân hàng thương mại cổ phần Q2) lúc 03 giờ 26 phút cùng ngày. Khoảng 01 tiếng sau thì có người gọi điện thoại cho D nói đã tới chung cư T giao ma túy; lúc này D mượn thẻ thang máy của N1 xuống trước tòa P, chung cư T thấy một thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ và không phải là D2) điều khiển xe đạp điện đang đứng đợi, biết đây là người giao ma túy nên D tới gặp và nhận từ người này một túi nylon màu nâu, bên trong chứa ma túy rồi lên

lại căn hộ. D dùng kéo cắt miệng túi lấy ra 01 gói nylon chứa 01 gói Reabull (nước vui) và 02 viên thuốc lắc màu xanh dương để ra bàn và tất cả mọi người cùng thấy. Lúc này, N và N1 thấy D mua thêm 02 viên thuốc lắc và đồng ý sẽ chia đều số tiền để cùng trả tất cả số ma túy mà D đã mua. D cầm gói nylon chứa 02 viên thuốc lắc vào phòng ngủ và dùng răng cắn bên ngoài gói nylon để chia nhỏ 01 viên thuốc lắc. Sau đó, D để gói nylon chứa thuốc lắc trên giường và sử dụng thuốc lắc, sau đó sử dụng điện thoại nên D không rõ việc Đ, Z và Z1 có sử dụng thuốc lắc hay nước vui hay không (do D không quan tâm, không để ý đến).

N, N1 và D cùng xác nhận là N1, N chỉ sử dụng nước vui, không có sử dụng thuốc lắc và D chỉ sử dụng thuốc lắc, không có sử dụng nước vui (thuốc lắc và nước vui do D mua và D đã ứng tiền ra trước cho cả nhóm, sau đó cả nhóm cùng chia nhau tiền mua ma túy để trả lại cho D); N có nhìn thấy D sử dụng thuốc lắc và D không nhìn thấy N, N1 sử dụng nước vui hay thuốc lắc; N1 và N cùng sử dụng nước vui trong phòng ngủ của N, sau đó cả 02 nghỉ ngơi và ngủ say cho đến khi Công an vào kiểm tra căn hộ trên; trước đó, N1 và N không nhìn thấy nhóm bạn của D (Đ, Z và Z1) sử dụng thuốc lắc hay nước vui. Tô nước vui pha từ gói Reabull ai mang vào trong phòng ngủ của N và N1 thì D, N1, N không rõ. Khi sử dụng nước vui pha từ gói Reabull, do để trên sàn nhà, nên N1 đã sợ ý làm đổ hết và N đã lấy giẻ khô lau sạch sàn nhà để tránh bị trơn trượt, té ngã; sau đó ai dọn dẹp hết những cái này thì D, N1 và N không rõ. Đến khoảng 07 giờ, ngày 9/7/2023 Đ, K1, D, J và Z1 lần lượt đi về. Số thuốc lắc sử dụng hết hay còn thì D, N1 và N không biết (vì D, N1 và N không có dọn dẹp số ma túy này). Khi Công an khám xét khẩn cấp phát hiện thu giữ ma túy còn lại thì D, N1 và N mới biết là thuốc lắc do D mua sử dụng chưa hết. Đ, Z1 và Z là bạn bè quen biết ngoài xã hội của D và D không biết về lai lịch, nhân thân của những người này.

Nguyễn Đăng K1 khai nhận: Sau khi ăn nhậu tại quán “The Gang”, số A C, Phường A, Quận A (tiệc sinh nhật của N tổ chức) thì K1 cùng N, N1, D, Đ, Z1 và Z về căn hộ G P1B P, chung cư T (số E T, Phường D, Quận H, TP Hồ Chí Minh) của N để nghỉ ngơi. Khi về căn hộ của N, K1 đi vào phòng nằm ngủ; đến khoảng 07 giờ, ngày 09/7/2023 K1 đi về nhà. Việc thỏa thuận mua ma túy về để sử dụng giữa N, N1, D, Đ, Z1 và Z cũng như việc cả nhóm sử dụng ma túy như thế nào thì K1 hoàn toàn không biết và không tham gia.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Đỗ Kỳ D nhận dạng gói nylon chứa mảnh vụn màu xanh đã thu giữ và Nguyễn Đỗ Kỳ D xác nhận đây chính là số ma túy do D mua để mọi người sử dụng và còn sót lại.

Đối với chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Đỗ Kỳ D dùng liên lạc mua ma túy đã bị rơi mất trong mật lần D đi trên đường (trước khi D bị cơ quan Công an mời làm việc).

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 1511/23Q10, bên ngoài có dấu vân tay và chữ ký ghi tên Đỗ Minh N, hình dấu Công an P3, Quận H và các chữ ký Điều tra viên Nguyễn Việt A, giám định viên Phan Tấn Q.

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 1512/23, bên ngoài có dấu vân tay và chữ ký ghi tên Trần Thụy Kim N1, hình dấu Công an P3, Quận H và các chữ ký Điều tra viên Nguyễn Việt A, giám định viên Phan Tấn Q.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0909616747, số I: 358281863830109 thu giữ của Đỗ Minh N;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0705656556, số I: 359265381077409 thu giữ của Nguyễn Đỗ Kỳ D;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh rêu, gắn sim số 0867979799, số I: 358216487823254 thu giữ của Nguyễn Đăng K1;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0762475822, số I: 351651527275387 thu giữ của Trần Thụy Kim N1;

- Các vật chứng khác có liên quan, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với người thanh niên tên D2 bán ma túy cho D và người thanh niên đã giao ma túy cho D, qua điều tra chưa xác định được lai lịch; nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trong vụ án này và vẫn tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Đối với các đối tượng (Đ, Z1 và Z), qua điều tra chưa xác định được lai lịch; nên Cơ quan điều tra Công an Q3 không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với gói chất bột đựng trong 01 gói nylon màu đỏ, có in chữ “CHALI” do N1 mang về sau khi sử dụng 02 gói tại quán “The Gang” nêu trên, qua giám định không tìm thấy chất ma túy. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Vũ Minh H2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xác định Đỗ Minh N2 là bị hại trong vụ án.

Đối với ông Đỗ Văn H (là chủ căn hộ G P1B P, chung cư T, số 547-549 T, Phường D, Quận H), qua điều tra, ông H giao cho N trực tiếp quản lý, sử dụng căn hộ và ông H không biết, không có liên quan đến hành vi phạm tội của N cùng đồng phạm; nên Cơ quan điều tra Công an Quận H không có căn cứ để xử lý.

* Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-Q8 ngày 03/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

1/ Bị cáo Đỗ Minh N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2/ Bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D, Trần Thụy Kim N1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 255; điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58 (tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”) và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

1/ Bị cáo Đỗ Minh N mức án:

+ Từ 02 (hai) năm tù đến 03 (ba) năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Từ 01 (một) năm tù đến 02 (hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Buộc bị cáo Đỗ Minh N phải chấp hành hình phạt tù chung của 02 tội là từ 03 (ba) năm tù đến 05 (năm) năm tù.

- Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

2/ Bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D mức án từ 01 (một) năm tù đến 02 (hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

3/ Bị cáo Trần Thụy Kim N1 mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo trong vụ án (do các bị cáo không có hưởng lợi bất chính và có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, khó thi hành; không có công việc làm ổn định, không có chức vụ).

Đối với người thanh niên tên D2 bán ma túy cho D và người thanh niên đã giao ma túy cho D, cũng như các đối tượng (Đ, Z1 và Z), qua điều tra chưa xác định được lai lịch; nên Cơ quan điều tra Công an Q3 không có căn cứ để xử lý trong vụ án này và tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý sau theo quy định của pháp luật..

- Về vật chứng:

+ 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 1511/23Q10, bên ngoài có dấu vân tay và chữ ký ghi tên Đỗ Minh N, hình dấu Công an P3, Quận H và các chữ ký Điều tra viên Nguyễn Việt A, giám định viên Phan Tấn Q: Qua giám định bên trong chứa chất ma túy độc hại, cấm tàng trữ, cấm lưu hành và hiện không còn giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 1512/23, bên ngoài có có dấu vân tay và chữ ký ghi tên Trần Thụy Kim N1, hình dấu Công an P3, Quận H và các chữ ký Điều tra viên Nguyễn Việt A, giám định viên Phan Tấn Q: Qua giám định bên trong không tìm thấy chất ma túy và không có giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0909616747, số I: 358281863830109 (thu giữ của Đỗ Minh N): Đây là tài sản cá nhân của bị cáo N và không có liên quan vụ án, nên trả lại cho bị cáo N.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0705656556, số I: 359265381077409 (thu giữ của Nguyễn Đỗ Kỳ D): Đây là tài sản cá nhân của bị cáo D và không có liên quan vụ án, nên trả lại cho bị cáo D.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh rêu, gắn sim số 0867979799, số I: 358216487823254 (thu giữ của Nguyễn Đăng K1): Đây là tài sản cá nhân của anh K1 và không có liên quan vụ án, nên trả lại cho anh K1.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0762475822, số I: 351651527275387 (thu giữ của Trần Thụy Kim N1): Đây là tài sản cá nhân của bị cáo N1 và không có liên quan vụ án, nên trả lại cho bị cáo N1.

- Các vật chứng khác có liên quan, Cơ quan điều tra Công an Q3 không thu giữ được; nên không xem xét xử lý.

* Các bị cáo: Đỗ Minh N, Trần Thụy Kim N1 không có ý kiến tranh luận và không tự bào chữa, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D thống nhất với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 và thống nhất với quan điểm luận tội, về mức án đề nghị và về xử lý vật chứng của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo D; nên người bào chữa không tranh luận. Người bào chữa chỉ phân tích thêm về hoàn cảnh gia đình khó khăn của bị cáo, về quá trình lý lịch nhân thân của bị cáo, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội và ý thức chủ quan của bị cáo là chỉ thỏa mãn cho nhu cầu sử dụng trong lần đó, không có ý thức cất giấu (tàng trữ) cho các lần sau sử dụng tiếp, việc công an thu giữ số ma túy còn sót lại là do sử dụng chưa hết và bản thân bị cáo đã rất ăn năn hối hận về những việc đã làm. Từ đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, phán quyết một mức án nhẹ nhất cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo được sớm trở về với gia đình và hòa nhập với cuộc sống xã hội.

* Bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện như Cáo trạng truy tố, bị cáo thống nhất với ý kiến của người bào chữa và không tranh luận, không bào chữa bổ sung mà chỉ xin xử mức án nhẹ nhất để được sớm trở về với gia đình và xã hội, vì bản thân bị cáo đã rất hối hận, do suy nghĩ nông cạn nên đã nhất thời phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D (luật sư Võ Đan M, sinh năm: 1983, là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H có Đơn xin xét xử vắng mặt vì lí do công tác và bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa (luật sư Võ Đan M, không có yêu cầu hoãn phiên tòa; đồng thời bị cáo D chỉ cần có sự có mặt của Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh T1, sinh năm: 1974, là Luật sư và là Trưởng Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H tham gia để bào chữa cho bị cáo. Ngoài ra, phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Nguyễn Đăng K1) đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lí do.

Xét thấy, việc vắng mặt nêu trên của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D (luật sư Võ Đan M) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Nguyễn Đăng K1) không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ và của bị cáo D theo quy định của pháp luật; nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 291 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên; người bào chữa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo: Đỗ Minh N3, Trần Thụy Kim N1, Nguyễn Đỗ Kỳ D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện và bị lực lượng Công an kịp thời phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng, như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Ngoài ra, bị cáo Đỗ Minh N còn khai nhận việc bị cáo đã lấy địa điểm nơi ở của mình quản lý (căn hộ nêu trên) để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (thuốc lắc và qua giám định là loại Methamphetamine), nhưng bản thân bị cáo N không cùng sử dụng trái phép loại chất ma túy này mà là loại khác (nước vui, nhưng không thu giữ được).

Xét lời khai nhận của các bị cáo Đỗ Minh N, Trần Thụy Kim N1, Nguyễn Đỗ Kỳ D phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua giám định, chất ma túy thu giữ đủ khối lượng để truy tố đối với từng hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng khác là “nước vui” mà Nguyễn Thụy Kim N4 và Đỗ Minh N đã sử dụng để xác định có phải là chất ma túy hay không, mặc dù qua xét nghiệm nhanh chất ma túy thì N và N4 cùng dương tính với chất ma túy; nên chưa có đủ căn cứ pháp lý vững chắc để xác định kết quả xét nghiệm N4 và N dương tính với chất ma túy là do các bị cáo đã sử dụng “nước vui” do D mua về. Mặt khác, khi kiểm tra hành chính căn hộ mà N cùng N4 đang nghỉ ngơi, cơ quan Công an đã thu giữ được gói chất bột in chữ CHALI (do N4 tự nguyện giao nộp) và qua giám định không tìm thấy chất ma túy; đồng thời, không truy tìm được Đ, Z1 và Z nên chưa làm rõ được hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “đối với 02 người trở lên” đối với bị cáo Đỗ Minh N.

Vì vậy, để nhằm đảm bảo nguyên tắc “suy đoán vô tội”, có lợi cho bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy chưa có đủ căn cứ pháp lý vững chắc để xác định bị cáo Đỗ Minh N phạm tội thuộc trường hợp “đối với 02 người trở lên” theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả của việc thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận:

- Bị cáo Đỗ Minh N, Nguyễn Đỗ Kỳ D, Trần Thụy Kim N1 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (thuộc trường hợp “Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”); tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Đỗ Minh N đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính đồng phạm:

- Đối với vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Cá nhân bị cáo Đỗ Minh N là người cung cấp địa điểm cho việc sử dụng trái phép chất ma túy, nên bị cáo Đỗ Minh N phải tự mình chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, nhất thời, không có tính tổ chức chặt chẽ; trong đó bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D giữ vai trò chính (là người trực tiếp liên lạc mua ma túy và ứng tiền ra trước cho cả nhóm để trả tiền mua ma túy), bị cáo Đỗ Minh N và bị cáo Trần Thụy Kim N1

có vai trò tương đối ngang nhau; nên các bị cáo phải cùng nhau chịu trách nhiệm hình sự cá nhân đối với khối lượng chất ma túy dùng để sử dụng bị thu giữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc đến tính chất, mức độ tham gia thực hiện tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện để quyết định một hình phạt tương xứng, phù hợp đối với từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Trong lần xét xử này, bị cáo Đỗ Minh N phải bị tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với từng hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều rất thành khẩn khai báo, thật sự tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; bị cáo Đỗ Minh N và gia đình của bị cáo có nhiều công sức đóng góp đối với đất nước và xã hội; gia đình bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D có nhiều đóng góp đối với sự phát triển của xã hội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[7] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Đỗ Minh N và bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D có quá trình nhân thân tốt (chưa có tiền án, chưa có tiền sự, trước khi bị khởi tố luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật). Bị cáo Trần Thụy Kim N1 có quá trình nhân thân không tốt (từng bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính vì sử dụng trái phép ma túy và chưa được xóa, nên đây là tiền sự), nhưng bị cáo N1 đã không chịu tu dưỡng, sửa chữa và phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội; ngược lại vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng cần lưu ý, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[8] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Đỗ Minh N, Nguyễn Đỗ Kỳ D, Trần Thụy Kim N1 là nguy hiểm cho xã hội, nên cần xét xử nghiêm minh, cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định, để các bị cáo nhận thức được một cách toàn diện, đầy đủ về hành vi phạm tội của mình và sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội. Qua đó, tiếp tục phát huy tác dụng của hình phạt; cũng như nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[9] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo: Đỗ Minh N, Nguyễn Đỗ Kỳ D, Trần Thụy Kim N1 là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về ý kiến của bị cáo Đỗ Minh N và bị cáo Trần Thụy Kim N1 về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ, tạo cơ hội cho bị cáo được sớm trở về với gia đình, hòa nhập với xã hội là có cơ sở pháp luật để được Hội đồng xét xử chấp nhận, như Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên.

[11] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D cùng ý kiến của bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt mức án nhẹ, tạo cơ hội cho bị cáo được sớm trở về với gia đình, hòa nhập với xã hội là có cơ sở pháp luật để được Hội đồng xét xử chấp nhận, như Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên.

[12] Về hình phạt bổ sung:

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Xét thấy bị cáo Đỗ Minh N phạm tội không nhằm mục đích hưởng lợi, không có tài sản; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo.

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Xét thấy các bị cáo: Đỗ Minh N, Nguyễn Đỗ Kỳ D, Trần Thụy Kim N1 tàng trữ trái phép chất ma túy chỉ để sử dụng mà không nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, không có công việc làm ổn định và không có tài sản, không có chức vụ; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung (miễn) đối với các bị cáo.

[13] Về vật chứng liên quan:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 1511/23Q10, bên ngoài có dấu vân tay và chữ ký ghi tên Đỗ Minh N, hình dấu Công an P3, Quận H và các chữ ký Điều tra viên Nguyễn Việt A, giám định viên Phan Tấn Q: Qua giám định bên trong chứa chất ma túy độc hại, cấm tàng trữ, cấm lưu hành và hiện không còn giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 1512/23, bên ngoài có dấu vân tay và chữ ký ghi tên Trần Thụy Kim N1, hình dấu Công an P3, Quận H và các chữ ký Điều tra viên Nguyễn Việt A, giám định viên Phan Tấn Q: Qua giám định bên trong không tìm thấy chất ma túy và không có giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0909616747, số I: 358281863830109 (thu giữ của bị cáo Đỗ Minh N): Đây là tài sản cá nhân của bị cáo N và không có liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo N.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0705656556, số I: 359265381077409 (thu giữ của Nguyễn Đỗ Kỳ D): Đây là tài sản cá nhân của bị cáo D và không có liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo D.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh rêu, gắn sim số 0867979799, số I: 358216487823254 (thu giữ của Nguyễn Đăng K1): Đây là tài sản cá nhân của anh K1 và không có liên quan đến vụ án, nên trả lại cho anh K1.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0762475822, số I: 351651527275387 (thu giữ của Trần Thụy Kim N1): Đây là tài sản cá nhân của bị cáo N1 và không có liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo N1.

- Các vật chứng khác có liên quan, nhưng Cơ quan điều tra Công an Q3 không thu giữ được; nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[14] Đối với người thanh niên tên D2 đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D và người thanh niên đã giao ma túy cho bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D, cũng như các đối tượng (Đ, Z1 và Z); quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 không có căn cứ để xử lý trong cùng vụ án này. Vì vậy, cần kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý hành vi của các đối tượng nêu trên theo đúng quy định của pháp luật, nhằm tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

[15] Đối với chất bột đựng trong 01 gói nylon màu đỏ, có in chữ “CHALI” do N1 mang về sau khi cả nhóm đã sử dụng hết 02 gói tại quán “The Gang” nêu trên, qua giám định không tìm thấy chất ma túy. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Vũ Minh H2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xác định Đỗ Minh N là bị hại trong vụ án.

[16] Đối với ông Đỗ Văn H (là chủ căn hộ G P1B P, chung cư T, số 547-549 T, Phường D, Quận H), qua điều tra, ông H giao cho N trực tiếp quản lý, sử dụng căn hộ và ông H không biết, không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Minh N cùng đồng phạm; nên Cơ quan điều tra Công an Quận H không có căn cứ để xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật

[17] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo (Đỗ Minh N, Nguyễn Đỗ Kỳ D, Trần Thụy Kim N1) phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 291 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Quyết định xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D (luật sư Võ Đan M) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Nguyễn Đăng K1).

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 255; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: 1/ Bị cáo Đỗ Minh N 02 (hai) năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt tù chung của 02 (hai) tội danh mà bị cáo Đỗ Minh N phải chấp hành là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Đỗ Minh N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: 2/ Bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D 01 (một) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: 3/ Bị cáo Trần Thụy Kim N1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thụy Kim N1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 1511/23Q10, bên ngoài có dấu vân tay và chữ ký ghi tên Đỗ Minh N, hình dấu Công an P3, Quận H và các chữ ký Điều tra viên Nguyễn Việt A, giám định viên Phan Tấn Q và 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 1512/23, bên ngoài có dấu vân tay và chữ ký ghi tên Trần Thụy Kim N1, hình dấu Công an P3, Quận H và các chữ ký Điều tra viên Nguyễn Việt A, giám định viên Phan Tấn Q.

+ Trả lại cho: Bị cáo Đỗ Minh N 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0909616747, số I: 358281863830109; bị cáo Nguyễn Đỗ Kỳ D 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0705656556, số I: 359265381077409; bị cáo Trần Thụy Kim N1 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0762475822, số I: 351651527275387; anh Nguyễn Đăng K1 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh rêu, gắn sim số 0867979799, số I: 358216487823254.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 04/01/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, TP .).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Đỗ Minh N, Trần Thụy Kim N1, Nguyễn Đỗ Kỳ D; mỗi bị cáo phải chịu số tiền là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trúc